

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: **13/2018/DS-ST**

Ngày 22/01/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà.

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Duy Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lưu Thị P** (Tên thường gọi là H) sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp L, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Dương Thị T** (Tên thường gọi là C) sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp L, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Trần Văn N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp L, xã Ph, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

(Chị P, chị T và anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lưu Thị P trình bày: Chị T có tham gia góp hụi do chị làm đầu thảo, cụ thể như sau: Dây hụi mở ngày 05/6/2016 AI đến ngày 05/9/2017 AI kết thúc (do có tháng 6 AI nhuận), hụi 2.000.000 đồng/tháng/phần, gồm 17 phần, chị T tham gia 02 phần.

+ Ngày 05/6/2016 Al, chị T hốt hụi vào kỳ đầu tiên, được số tiền 25.350.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền này cho chị T và có viết biên nhận (Bút lục 33) chị T có ký tên với tên thường gọi là “C”.

+ Đến ngày 05/7/2016 Al, chị T hốt hụi vào kỳ thứ 2, được số tiền 26.500.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền này cho chị T. Lần này không có viết biên nhận riêng nhưng có ghi vào danh sách những người hốt hụi với nội dung: “C đã nhận tiền ngày 10-7-2016” (Bút lục 30).

Sau khi hốt hụi chị T góp hụi chết đến tháng 12/2016 Al thì ngưng. Từ tháng 01/2017 Al đến tháng 4/2017 Al là $(4 \text{ tháng} \times 2.000.000 \text{ đồng/tháng/phần}) \times 2 \text{ phần} = 16.000.000 \text{ đồng}$. Vào khoảng tháng 12/2016 Al, chị T có vay chị 1.000.000 đồng để góp hụi. Do đó, vào tháng 04/2017 Al, chị có viết biên nhận chị T còn nợ chị số tiền là 17.000.000 đồng (16.000.000 đồng + 1.000.000 đồng) và chị T có ký tên với tên thường gọi là “C” (Bút lục 35).

+ Đến tháng 05/2017 Al, chị T có góp cho chị 01 kỳ hụi chết, do chồng chị T là anh Trần Văn N đưa cho chị.

+ Từ tháng 06/2017 Al (có nhuận hai tháng 6/2017 Al) đến tháng 9/2017 Al thì ngưng không góp tiếp cho chị là $(05 \text{ tháng} \times 2.000.000 \text{ đồng/tháng/phần}) \times 2 \text{ phần} = 20.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, chị T còn nợ tiền hụi và tiền vay là 37.000.000 đồng, chị đòi tiền nhiều lần nhưng chị T không trả. Nay chị yêu cầu chị T trả số tiền trên làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, chị thay đổi một phần yêu cầu do biên nhận (Bút lục 35) chị ghi 17.000.000 đồng là tiền hụi nên chị yêu cầu chị T trả lại chị số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng (17.000.000 đồng + 20.000.000 đồng).

- *Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị T trình bày:* Chị có tham gia dây hụi mở ngày 05/6/2016 Al, hụi 2.000.000 đồng/tháng/phần, gồm 17 phần, chị tham gia 02 phần như chị P trình bày.

+ Chị hốt hụi vào kỳ đầu tiên, được số tiền 25.350.000 đồng, chị P đã giao đủ số tiền này. Và chị P có viết cho chị biên nhận giao tiền hụi (Bút lục 39) và chị cũng có ký tên vào biên nhận của chị P (Bút lục 33).

+ Đến kỳ thứ 2, chị hốt hụi được số tiền 26.500.000 đồng, chị P đã giao đủ số tiền này cho chị. Và chị P có viết cho chị biên nhận giao tiền hụi (Bút lục 38).

Sau khi hốt hụi, chị có góp lại vài tháng hụi chết nhưng đến tháng 04/2017 Al, chị còn nợ chị P 17.000.000 đồng tiền hụi, chứ không nợ chị P 16.000.000 đồng tiền hụi và 1.000.000 đồng tiền vay như chị P trình bày.

Đến tháng 05/2017 Al, chị có nhờ chồng chị là anh Trần Văn N góp cho chị P 4.000.000 đồng tiền hụi. Và sau tháng 6/2017 Al, chị có góp cho chị P 01 kỳ là 4.000.000 đồng nên từ tháng 6/2017 Al, chị chỉ còn nợ hụi chết chị P là $(04 \text{ tháng} \times 2.000.000 \text{ đồng/tháng/phần}) \times 2 \text{ phần} = 16.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, chị còn nợ chị P tiền hụi là 33.000.000 đồng (17.000.000 đồng + 16.000.000 đồng). Do chị P thừa chị nên chị không đồng ý trả tiền cho chị P.

- Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn N trình bày: Vào tháng 5/2017 AI, anh có đến nhà chị P để đưa tiền hụi dùm cho vợ anh – là chị T với số tiền là 4.000.000 đồng. Và anh có ký tên vào tờ giấy đóng hụi tại dòng “5-có đóng 4.000.000 đồng” (Bút lục 32), do chị P yêu cầu. Ngoài lần này ra, anh không có đóng hụi cho chị T lần nào khác. Việc thỏa thuận tham gia góp hụi giữa chị T và chị P như thế nào anh không biết vì anh đi làm xa nhà.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của chị P, buộc chị T có nghĩa vụ trả lại chị P số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung Đơn khởi kiện chị P yêu cầu chị T trả tiền hụi và tiền vay nhưng chị T cho rằng chỉ nợ tiền hụi mà không nợ tiền vay của chị P. Và theo biên nhận (Bút lục 35) chị P viết tiền hụi, không viết gồm có cả tiền vay nên tại phiên tòa, chị thay đổi một phần yêu cầu, yêu cầu chị T trả số tiền hụi còn nợ là 37.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T cũng thừa nhận chỉ nợ tiền hụi, không nợ tiền vay của chị P. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa chị P và chị T là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, chị P yêu cầu chị T trả lại số tiền là 37.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị T thừa nhận còn nợ chị P 33.000.000 đồng. Xét thấy:

Vấn đề hai bên thống nhất: Chị T thừa nhận có tham gia góp 02 phần hụi, 2.000.000 đồng/tháng/phần, mở ngày 05/6/2016 AI, đến ngày 05/9/2017 AI kết thúc, do chị P làm đầu thảo. Và chị T đã hót cả 02 phần vào kỳ 1 và kỳ 2 với số tiền là 25.350.000 đồng và 26.500.000 đồng, chị P đã giao đủ số tiền này cho chị. Theo 02 biên nhận giao tiền hụi (Bút lục 38, 39) do chị T cung cấp và chị T cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận giao tiền hụi (Bút lục 33) do chị P cung cấp. Sau khi hót hụi, chị T góp hụi chết đến tháng 12/2016 AI thì ngưng, đến tháng 04/2017 AI hai bên có chốt lại tiền hụi, chị T còn nợ chị P 17.000.000 đồng tiền hụi, chị T thống nhất còn nợ số tiền này và thừa nhận có ký tên vào biên nhận (Bút lục 35) do chị P cung cấp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, chị P và chị T cũng thống nhất vào tháng 5/2017, chị T có góp 01 kỳ hụi chết cho chị P là 4.000.000 đồng, do chồng chị T là anh Trần Văn N đưa và tại phiên tòa, anh N cũng đã xác nhận vấn đề này.

Vấn đề còn tranh chấp: Từ tháng 06/2016 AI đến tháng 9/2017 AI, chị P trình bày chị T còn nợ 05 tháng hụi chết là 20.000.000 đồng. Chị T chỉ thừa nhận còn nợ 04 tháng là 16.000.000 đồng. Nhận thấy, chị T là hụi viên, sau khi hót hụi phải có nghĩa vụ góp lại hụi chết cho chủ thảo. Chị T cho rằng chỉ còn nợ chị P 04

tháng hội chết, vì từ tháng 6/2017 AI đến tháng 9/2017 AI, chị có góp cho chị P 01 tháng là 4.000.000 đồng nhưng chị không nhớ cụ thể là tháng nào và chị cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh.

Do đó, yêu cầu của chị P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị T có nghĩa vụ trả lại chị P số tiền hội còn nợ là 37.000.000 đồng (17.000.000 đồng + 20.000.000 đồng)

Về yêu cầu trả lãi, chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian trả, tại phiên tòa chị P yêu cầu chị T trả số tiền trên làm 01 lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của chị P là có cơ sở. Vì đây hội mở ngày 05/6/2016 AI, đã kết thúc vào tháng 9/2017 AI nhưng đến nay chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị P nên buộc chị T phải trả lại chị P số tiền hội còn nợ là 37.000.000 đồng làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngày 27/11/2017, chị T có Đơn xin giảm án phí nhưng nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Ph không phù hợp với khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị T có nghĩa vụ trả nợ nên chị T phải chịu 5% án phí (37.000.000 đồng x 5% = 1.850.000 đồng) theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị P.**

- Buộc chị Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Lưu Thị P số tiền là **37.000.000 đồng** (*Ba mươi bảy triệu đồng*) làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

• Chị T phải chịu án phí là **1.850.000 đồng** (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

• Hoàn lại chị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 45304 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An